

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MUỜNG LÁT
TỈNH THANH HOÁ**

Bản án số: 37/2022/HS-ST
Ngày 23/8/2022

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MUỜNG LÁT, TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Dũng

Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Văn Hào

Bà Ngô Thị Lan

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Viết Mạnh, Thư ký -
Tòa án nhân dân huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Lát tham gia phiên tòa:
Ông Trương Văn Phú - Kiểm sát viên.

Ngày 23/8/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 25/2022/TLST-HS ngày 21/7/2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 33/2022/QĐXXST-HS ngày 10/8/2022 đối với bị cáo:

Giàng Thị D, sinh năm 1927. Tên gọi khác: Không;

Nơi sinh: Xã Tạ Khoa, huyện Bắc Yên, tỉnh Sơn La;

Nơi ĐKKHKT và nơi ở: Bản Tà Cóm, xã Trung Lý, huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa;

Giới tính: Nữ; Dân tộc: Mông; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không;
Nghề nghiệp: Trồng trọt; Trình độ học vấn: Không biết chữ. Con ông: Giàng A S (Đã chết); Con bà: Sùng Thị D (Đã chết); Chồng: Sùng A P (đã chết). Con: Có 09 người con, lớn nhất sinh năm 1968; nhỏ nhất sinh năm 1990.

Tiền án, Tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 01/6/2022 đến ngày 10/6/2022 được thay bằng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” tại: Bản Tà Cóm, xã Trung Lý, huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa. Có mặt

Người phiên dịch cho bị cáo: Anh Lâu Văn Q, sinh năm: 1993; Trú tại: Bản Pù Toong, xã Pù Nhi, huyện Mường Lát, Thanh Hóa. Có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo: Ông Nguyễn Ngọc K - Trợ giúp viên pháp lý – Chi nhánh số 1, thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Sáng ngày 01/6/2022 bị cáo đi bộ từ nhà ở bản Tà Cóm, xã Trung Lý đến trụ sở Công an xã Trung Lý để xin làm thủ tục, giấy tờ thăm gặp con trai tên Sùng A G, sinh năm 1974 và Sùng A S, sinh năm 1975 đang bị tạm giam tại Công an huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa. Trên đường đi, đến bản Cá Giáng, xã Trung Lý, huyện Mường Lát, bị cáo gặp và hỏi mua ma túy với một người đàn ông dân tộc Mông không biết tên, tuổi địa chỉ, bị cáo mua với số tiền là 150.000đ, người đàn ông đó đưa cho bị cáo 01 túi nilon màu trắng bên trong có chứa các viên nén hình trụ tròn màu hồng (Ma túy tổng hợp). Nhận được ma túy bị cáo lấy một viên ra sử dụng, số còn lại bị cáo cất vào trong túi đeo trước bụng với mục đích để sử dụng. Khoảng 10 giờ, ngày 01/6/2022, tại trụ sở Công an xã Trung Lý, huyện Mường Lát, Giàng Thị D, sinh năm 1927, lấy túi vải ra để lấy giấy tờ thì bị Công an xã Trung Lý bắt quả tang về hành vi “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Tang vật thu giữ gồm: 01 túi nilon màu trắng bên trong có chứa 16 (Mười sáu) viên nén màu hồng hình trụ tròn trên mỗi viên có ký hiệu chữ “WY”, bị cáo khai nhận đó là ma túy tổng hợp mua để sử dụng, vì bị cáo nghiện chất ma túy, hay đau bụng nên thường sử dụng chất ma túy để giảm đau.

Tại bản kết luận giám định số: 2046/KL-KTHS ngày 06/6/2022 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hóa, kết luận: 16 (Mười sáu) viên nén màu hồng trên mỗi viên có ký hiệu chữ “WY” của phong bì niêm phong gửi giám định là ma túy, có khối lượng là 1,477g (Một phẩy bốn bảy bảy gam) loại: Methamphetamine.

Quá trình điều tra, bị cáo đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của người chứng kiến và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Bản cáo trạng số: 37/CT-VKS-ML ngày 19/7/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Lát truy tố bị cáo về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tranh luận và luận tội: Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy, thái độ ăn năn hối cải, bị cáo tuổi đã cao (95 tuổi), phạm tội lần đầu. Bị cáo khẳng định không ai xúi giục hay ép buộc nhận tội thay người khác; Đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo theo toàn bộ nội dung Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử, Tuyên bị cáo Giàng Thị D phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Về điều luật: Điều 38; Điểm o, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điểm c khoản 1 Điều 249 BLHS;

Về hình phạt: Xử phạt bị cáo từ **16 đến 18** tháng tù, được trừ đi số ngày đã bị tạm giữ (09 ngày). Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án.

Miễn hình phạt bổ sung và phạt tiền đối với bị cáo, vì bị cáo làm trồng trọt, hộ nghèo, bị cáo đã tuổi già, sức yếu.

Về vật chứng: Tuyên tịch thu, tiêu hủy số ma túy là tang vật của vụ án, là chất Nhà nước cấm lưu hành.

Về án phí: Bị cáo được miễn án phí HSST.

Ý kiến người bào chữa: Người bào chữa cho bị cáo vắng mặt, nhưng có bản luận cứ bào chữa cho bị cáo, đồng tình với quan điểm truy tố của VKS về tội danh, điều luật áp dụng và khung hình phạt, tình tiết giảm nhẹ TNHS cho bị cáo. Người bào chữa cho rằng: Bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn về việc làm sai trái, là người cao tuổi và người dân tộc thiểu số, sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, nên đề nghị HĐXX xem xét cho bị cáo được hưởng mức án từ 12-14 tháng tù là phù hợp, tạo điều kiện để bị cáo sớm được trở về với gia đình và xã hội, không áp dụng hình phạt bổ sung, phạt tiền và miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

Tại phiên tòa bị cáo khai, biết rõ hành vi tàng trữ ma túy trái phép để sử dụng là vi phạm pháp luật và bị Nhà Nước nghiêm cấm nhưng do bản thân bị nghiện chất ma túy (04 năm), hay đau bụng, nên không kiềm chế được bản thân, đã cố tình phạm tội. Bị cáo công nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như bản Cáo trạng đã nêu là đúng, bị cáo không khai báo thêm tình tiết mới. Bị cáo đồng tình với lời bào chữa, không thay đổi, bổ sung thêm gì làm thay đổi nội dung vụ án, không có ý kiến tranh luận với đại diện VKS.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét mức án thấp nhất để bị cáo sớm được về với gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Xét về hành vi, quyết định tố tụng: Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Mường Lát, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Lát, Kiểm sát viên, trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người bào chữa cho bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do

đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Chứng cứ xác định có tội, không có tội của bị cáo:

Tại phiên tòa bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Xét lời khai nhận tội của bị cáo là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan Điều tra, lời khai của người chứng kiến, kết luận giám định và chứng cứ khác trong hồ sơ, đủ cơ sở khẳng định: Bị cáo tàng trữ Methamphetamine có tổng khối lượng 1,477g (Một phẩy bốn bảy bảy gam) với mục đích sử dụng, bị cáo đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, khối lượng ma túy bị thu giữ, đã cấu thành tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự, như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Lát truy tố bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không oan sai.

[3] Xét tính chất, mức độ, hành vi phạm tội: Tính chất vụ án là nghiêm trọng, vì bị cáo là người đủ năng lực trách nhiệm hình sự, bị cáo biết ma túy là chất gây nghiện, bị pháp luật nghiêm cấm, khi người sử dụng sẽ phải phụ thuộc hoàn toàn vào ma túy, ma túy còn hủy hoại thể chất, tinh thần và đồng thời cũng có thể là tác nhân phát sinh những tội phạm khác, nhưng bị cáo vẫn cố ý tàng trữ với mục đích sử dụng; hành vi của bị cáo là lỗi cố ý trực tiếp, đã xâm phạm đến sự quản lý độc quyền về chất ma túy của Nhà nước, gây nguy hiểm cho xã hội, ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an trên địa bàn.

[4] Xét về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Bị cáo không bị áp dụng tình tiết tăng nặng.

Trong giai đoạn điều tra, truy tố, xét xử bị cáo thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình, thái độ ăn năn hối cải và bị cáo là người già (95 tuổi), nên HĐXX cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ TNHS quy định tại điểm o, s khoản 1 điều 51 BLHS để bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật.

Đối với tình tiết khoản 2 điều 51 BLHS mà đại diện viện kiểm sát đề nghị áp dụng cho bị cáo (là người dân tộc thiểu số sống ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; hộ nghèo) để làm tình tiết giảm nhẹ, thì HĐXX thấy chưa phù hợp, nhưng HĐXX sẽ xem xét các tình tiết này để áp dụng về hình phạt bổ sung, án phí cho bị cáo.

Với các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, nhân thân của bị cáo thì HĐXX sẽ xem xét, xử bị cáo một mức án tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo đã gây ra, đề rắn đe, phòng ngừa.

[4] Xét về hình phạt:

Hình phạt chính: Trên cơ sở đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi mà bị cáo đã thực hiện, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm

hình sự và nhân thân của bị cáo thấy: Cần xử phạt bị cáo một mức án tương xứng với tính chất mức độ, hành vi của bị cáo gây ra, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để răn đe, phòng ngừa, đồng thời để bị cáo có thời gian cai nghiện chất ma túy; Thấy rằng đề nghị về hình phạt của đại diện Viện kiểm sát và người bào chữa cho bị cáo tại phiên tòa là phù hợp với hành vi phạm tội và khối lượng chất ma túy thu giữ, đã đủ sức răn đe, phòng ngừa chung.

Hình phạt bổ sung: Theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa, cho thấy bị cáo làm trông trọt, tuổi đã già (95 tuổi) thu nhập thường xuyên là 360.000đ tiền hỗ trợ của Nhà nước, ngoài ra không có nguồn thu nào khác. Nên, HĐXX không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[5] Xét về vật chứng trong vụ án:

Số ma túy thu giữ của bị cáo còn lại sau giám định là chất Nhà nước cấm lưu hành, cần tịch thu, tiêu hủy.

Tang vật của vụ án hiện đang được bảo quản tại kho tang vật Chi cục THADS huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa.

[6] Xét về phần án phí: Bị cáo là người cao tuổi, người dân tộc thiểu số, sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, nên miễn án phí HSST cho bị cáo.

[7] Quyền kháng cáo, kháng nghị: Bị cáo có quyền kháng cáo; Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo quy định của pháp luật.

[8] Các nhận định khác:

Người đàn ông đã bán ma túy cho bị cáo, thì cơ quan CSĐT không có căn cứ để xác minh làm rõ vì bị cáo không biết tên, tuổi, địa chỉ của người này.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

Điểm c khoản 1 Điều 249; Điều 38; Điều 50; Điểm o, s khoản 1 Điều 51; Điểm c khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự;

Về tội danh: Tuyên bị cáo Giàng Thị D phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Giàng Thị D 16 tháng tù, được trừ đi 09 (Chín) ngày tạm giữ. Còn lại bị cáo phải chấp hành là 15 (Mười lăm) tháng 21 (Hai mươi mốt) ngày. Thời gian chấp hành hình phạt tính từ ngày bắt đi thi hành án.

Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

Về vật chứng: Áp dụng điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 47 Bộ luật hình sự

Tịch thu tiêu hủy: Phong bì niêm phong của Phòng kỹ thuật hình sự phát hành mặt trước có chữ “Giàng Thị D”, mặt sau có các chữ ký của Nguyễn Ngọc

Thắng, Nguyễn Trần Đăng, Lê Minh Tiến và các hình dấu đỏ của phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hóa.

Vật chứng kê trên đang lưu giữ, bảo quản tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa, theo Quyết định chuyển vật chứng số 34/QĐ-VKS-ML, ngày 19/7/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa và Biên bản giao nhận vật chứng số: 45/NK-2022 ngày 21/7/2022 giữa Công an huyện Mường Lát và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa.

Về án phí: Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên miễn tiền án phí HSST cho bị cáo.

Quyền kháng cáo, kháng nghị: Án xử công khai; có mặt bị cáo; vắng người bào chữa cho bị cáo; Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo quy định của pháp luật.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Phòng KTNV, TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Sở Tư pháp tỉnh Thanh Hóa;
- VKS nhân dân H.Mường Lát;
- VKS nhân dân tỉnh Thanh Hóa;
- CQĐT Công an H. Mường Lát;
- CQ THAHS - CA huyện Mường Lát;
- Chi cục THADS huyện Mường Lát;
- UBND xã T L, Huyện Mường Lát;
- Bị cáo;
- Người bào chữa cho bị cáo;
- Hồ sơ Thi hành án Hình sự;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

Nguyễn Tiến Dũng

